TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/KDTM-PT
Ngày: 12 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn, ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2017/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 22-8-2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị nguyên đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐ-PT ngày 07-11-2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH nhà máy phân bón Y.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Bích N, chức vụ: Kế toán trưởng Công ty TNHH nhà máy phân bón Y (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2. Ông Nguyễn Đình B.

Địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn V – chủ địa lý P; địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Đại lý T; địa chỉ: phường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (không rõ tên chủ đại lý và địa chỉ cụ thể).

3. Ông Nguyễn Trung Đ; địa chỉ: xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã đi khỏi địa phương hiện nay không rõ địa chỉ cụ thể).

4. Bà Phạm Thị M – chủ đại lý M; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Ông Ngô Văn N – chủ đại lý H; địa chỉ: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

6. Đại lý H; địa chỉ: Xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (không rõ tên chủ đại lý và địa chỉ cụ thể).

7. Ông Nguyễn Chính V; địa chỉ: Xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (không rõ địa chỉ cụ thể).

8. Ông Nguyễn Văn S – chủ đại lý S; địa chỉ: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

9. Bà Phan Thị L; địa chỉ: Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (không rõ địa chỉ cụ thể).

10. Ông Nguyễn Quốc Đ; địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (không rõ địa chỉ cụ thể).

11. Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (không rõ địa chỉ cụ thể).

12. Đại lý T; địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (không rõ tên đại lý và hiện nay không còn hoạt động tại địa phương).

13. Bà Vũ Thị M – chủ đại lý T; địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

14. Ông Hồ Phú T - chủ đại lý N; địa chỉ: xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

15. Ông Võ Tá P – chủ đại lý P; địa chỉ: xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

16. Bà Trần Thị S – chủ đại lý; địa chỉ: xã Ea B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

17. Ông Lý Văn T – chủ đại lý T; địa chỉ: xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

18. Ông Phan Công H, bà Nguyễn Thị Thanh D – chủ đại lý D; địa chỉ: xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

19. Ông Mai Tuấn D – chủ đại lý D; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng

mặt).

20. Ông Lương Trung Đ – chủ đại lý P; địa chỉ: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

21. Ông Hồ Văn T; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH nhà máy phân bón Y (gọi tắt là Công ty Y) có ký hợp đồng mua bán phân bón với bà H - chủ đại lý phân bón H theo các hợp đồng số 48/HĐMB/2007 ngày 01/12/2006; Hợp đồng số 04/HĐMB/2008 ngày 01/01/2008 và hợp đồng số 07/HĐMB/2009 ngày 01/01/2009, kèm theo các hợp đồng này là các quy chế bán hàng và quy chế tiêu thụ sản phẩm năm 2007, 2008, 2009 các quy chế này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Tính từ ngày 01/12/2006 bà H nhiều lần mua phân bón của Công ty Y nhưng chưa thanh toán hết nợ, do bà H vi phạm việc thanh toán tiền mua phân bón nên Công ty Y ngưng hợp đồng với đại lý H.

Tính đến thời điểm khởi kiện bà H còn nợ Công ty Y 1.179.945.315đ nợ gốc và 943.566.863đ nợ lãi (tiền lãi tính đến ngày 31/7/2013). Công ty Y đã nhiều lần gặp bà H để cân đối việc trả nợ, qua các lần làm việc bà H đã cam kết trả nợ dần cho Công ty Y. Theo cam kết ngày 02/6/2011 giữa đại diện Công ty Y và bà Nguyễn Thị H có cam kết trả nợ gốc và lãi như sau: Từ ngày 02/6/2011 đến ngày 30/12/2011 trả 200.000.000đ, trong năm 2012 thanh toán 500.000.000đ, trong năm 2013 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại.

Mặc dù, đã cam kết nhưng bà H vẫn chưa trả cho Công ty Y số nợ trên. Nay Công ty Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Y tổng số tiền 2.630.888.663đ. Trong đó, nợ gốc 1.179.945.315đ, nợ lãi 1.450.943.348đ (tiền lãi tính đến ngày 28/02/2017) và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Từ năm 2007 đến 2009, bà H có ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty theo các hợp đồng số 48/HĐMB/2007 ngày 01/12/2006; Hợp đồng số 04/HĐMB/2008 ngày 01/01/2008 và hợp đồng số 07/HĐMB/2009 ngày 01/01/2009. Ngoài ra Công ty Y còn bán phân bón cho một số đại lý khác ở các huyện, E, C, K, theo hình thức khi các đại lý cần mua hàng thì nhờ bà H gọi số lượng hàng cần mua, sau đó Công ty Y trực tiếp chuyển hàng đến các đại lý và xuất hóa đơn cho các đại lý trực tiếp nhận hàng. Khi bán hàng cho các đại lý, Công ty Y có in số liệu công nợ của các đại lý gửi cho bà H, yêu cầu bà H ký nhận để biết công nợ của các đại lý và thu tiền nộp cho Công ty Y để hưởng hoa hồng, đến năm 2009 do làm ăn thua lỗ một số đại lý bị phá

sản, giải thể bỏ đi khỏi địa phương, một số nghỉ kinh doanh, một số đại lý còn lại thì chưa thu được nợ từ những người dân ứng phân của họ nên các địa lý chưa trả được nợ cho Công ty Y.

Việc ký xác nhận công nợ của các đại lý với Công ty Y là để bà H thu tiền từ các đại lý mà Công ty Y bán phân cho họ để hưởng hoa hồng.

Ngày 02/6/2011, bà H có ký 01 biên bản cam kết trả nợ với Công ty Y là do biên bản đã được viết sẵn, bản thân bà H bị hù dọa nên tâm lý hoang mang, không tỉnh táo, bản thân bà H cũng nghĩ sẽ thu được nợ cho Công ty Y để hưởng hoa hồng nên bà H đã ký biên bản.

Nay Công ty Y khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ theo các hợp đồng trên bà H không chấp nhận trả với lý do: Số phân bón mà bà H mua trực tiếp của Công Ty Y về cho đại lý H theo 03 hợp đồng trên thì bà H đã thanh toán hết cho Công ty Y. Số nợ còn lại theo đơn khởi kiện của Công ty Y là của các đại lý khác nợ trực tiếp Công ty Y; do Công ty Y đã trực tiếp bán hàng, xuất hóa đơn cho các đại lý thì các đại lý còn nợ có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Y còn bản thân bà H không trực tiếp nhận và tiêu thụ số phân bón này nên bà H không có nghĩa vụ phải trả tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn V trình bày: Trước đây đại lý của ông V có nhập phân bón của Công ty Y thông qua bà H. Khi cần hàng thì ông V nhờ bà H gọi giúp. Sau đó, Công ty Y chở hàng đến và xuất hóa đơn cho ông V. Ông V thanh toán tiền cho Công ty Y theo phương thức gửi tiền thông qua bà H để bà H chuyển trả cho Công ty Y. Hiên nay, ông V còn nợ Công ty Y 95.300.000đ và lãi suất. Ông V chấp nhận trả trực tiếp số nợ này cho Công ty Y không thông qua bà H nữa.

- Ông Ngô Văn N trình bày: Trước năm 2009, ông N có nhập hàng của Công ty Y theo hình thức nhờ bà H gọi dùm. Sau đó, Công ty Y chở hàng đến đại lý và xuất hóa đơn cho ông N. Ông N thanh toán tiền cho Công ty Y thông qua bà H. Hiện nay, ông N còn nợ Công ty Y 50.000.000đ. Ông N chấp nhận trả trực tiếp số nợ này cho Công ty Y không thông qua bà H nữa.

- Bà Vũ Thị M trình bày: Từ năm 2007 đến năm 2011, đại lý M có nhập hàng của Công ty Y thông qua bà H. Sau đó, Công ty Y trực tiếp chở hàng đến đại lý và xuất hóa đơn cho bà M. Bà M thanh toán tiền cho Công ty thông qua bà H. Hiện nay, bà M còn nợ Công ty Y 755.000.000đ. Bà M chấp nhận trả trực tiếp số nợ này cho Công ty Y không thông qua bà H nữa.

- Ông Hồ Văn T trình bày: Năm 2011, ông T có nhập hàng của Công ty Y thông qua bà H. Sau đó, Công ty Y trực tiếp chở hàng đến đại lý và xuất hóa đơn cho ông T. Ông T thanh toán tiền cho Công ty thông qua bà H. Hiện nay, ông T còn nợ Công ty Y 60.650.000đ. Ông T chấp nhận trả trực tiếp số nợ này cho Công ty Y không thông qua bà H nữa.

- Bà Phạm Thị M trình bày: Từ năm 2007 đến năm 2010, đại lý của bà M có nhập phân bón của Công ty Y thông qua bà H. Sau khi nhận hàng bà M gửi tiền cho bà H nhờ thanh toán cho Công ty Y. Hiện nay, bà M còn nợ 219.000.000đ tiền phân bón của Công ty Y. Bà M chấp nhận trả trực tiếp số nợ này cho Công ty Y không thông qua bà H nữa.

- Ông Võ Tá P trình bày: Vào năm 2007, ông P có nhờ bà H gọi giúp một xe phân bón từ Công ty Y. Hiện nay, giữa ông P và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Ông Hồ Phú T trình bày: Từ năm 2007 đến năm 2009, ông T có nhập hàng phân bón của Công ty Y thông qua bà H. Hiện nay, giữa ông T và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Ông Nguyễn Văn S trình bày: Năm 2009, đại lý của ông S có nhập phân bón của Công ty Y thông qua bà H. Khi thanh toán ông S chuyển tiền cho bà H nhờ bà H thanh toán cho Công ty Y. Hiện nay, giữa ông S và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Ông Lý Văn T trình bày: Ông T có mua phân bón với Công ty Y thông qua bà H. Hiện nay, giữa ông T và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Bà Trần Thị S trình bày: Bà S có mua phân bón với Công ty Y thông qua bà H. Hiện nay, giữa bà S và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày: Bà D không có quan hệ gì với Công ty Y. Vào năm 2007, 2008 bà H có bỏ phân để bà D bán lẻ, sau khi mua phân bà D đã thanh toán đủ cho bà H.

- Ông Lương Trung Đ trình bày: Vào năm 2007, 2008 đại lý của ông Đ có mua phân bón của Công ty Y thông qua bà H. Khi thanh toán ông Đ chuyển tiền cho bà H, có lúc ông Đ chuyển tiền trực tiếp cho Công ty Y. Hiện nay, giữa ông Đ và Công ty Y đã thanh toán xong.

- Ông Mai Tuấn D trình bày: Vào năm 2007, 2008 ông D có mua phân bón của Công ty Y thông qua bà H, sau đó ông D thanh toán tiền cho bà H. Hiện nay, ông D không còn nợ tiền phân bón của bà H cũng như Công ty Y.

Tại bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 22/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ quyết định như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 54, Điều 55 Luật thương mại. Điều 298, 299, 428, 431, 438 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền 2.630.888.663đ. Trong đó, nợ gốc 1.179.945.315đ; nợ lãi 1.450.943.348đ (tiền lãi tính đến ngày 28/02/2017 với lãi suất 1,5%/tháng) và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y phải chịu 86.617.773đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ 37.236.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16567 ngày 11/9/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B; Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y còn phải nộp 49.381.773đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 01/9/2017 nguyên đơn Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty Y, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty Y tổng số tiền là 2.630.888.663đ. Trong đó, nợ gốc 1.179.945.315đ; nợ lãi 1.450.943.348đ (tiền lãi tính đến ngày 28/02/2017 với lãi suất 1,5%/tháng) và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

Ngày 05/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-KDTM đối với bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 22/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Công ty Y tổng số tiền là 2.630.888.663đ. Trong đó, nợ gốc 1.179.945.315đ; nợ lãi 1.450.943.348đ và tiếp tục tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi bà H thanh toán xong nợ cho Công ty Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Giữa Công ty Y và bà Nguyễn Thị H có quan hệ kinh doanh buôn bán phân bón với nhau, thể hiện trên 03 hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa mà các bên đã ký kết cụ thể: hợp đồng số 48/HĐMB/2007 ngày 01/12/2006; Hợp đồng số 04/HĐMB/2008 ngày 01/01/2008 và hợp đồng số 07/HĐMB/2009 ngày 01/01/2009; ngoài ra, còn ký kết các thỏa thuận về quy chế bán hàng hưởng chiết khấu và hoa hồng. Hai bên thỏa thuận về phương thức giao hàng và thanh toán như sau: Trên cơ sở hợp đồng Công ty Y bán các loại phân bón theo yêu cầu của bà H, bà H thu tiền trả cho Công ty, bà H sẽ được hưởng hoa hồng, chiết khấu dựa trên số lượng tiêu thụ. Ngoài đại lý H do bà H làm chủ thì còn có 21 đại lý khác cùng mua bán hàng hóa với Công ty Y, các đại lý đều thừa nhận là khi có nhu cầu về số lượng phân bón thì thông qua bà Hgọi, Công ty Y giao hàng và xuất hóa đơn trực tiếp cho đại lý nhận hàng, khi thanh toán tiền cho Công ty Y thì thực hiện qua hai hình thức đại lý chuyển trả trực tiếp cho Công ty Y hoặc thông qua bà H để trả cho Công ty.

[2] Tính đến thời điểm giải quyết vụ án, một số đại lý trong đó có đại lý H đã thanh toán xong tiền mua hàng cho Công ty Y, còn lại 05 đại lý thừa nhận hiện nay còn nợ Công ty Y cụ thể đại lý M còn nợ 219.000.000đ, đại lý T còn nợ 755.000.000đ, đại lý N còn nợ 50.000.000đ, đại lý P còn nợ 95.300.000đ, đại lý ông Hồ Văn T còn nợ 60.650.000đ và tất cả các đại lý đều xin trả trực tiếp cho Công ty Phú Yên không thông qua bà Huệ nữa. Như vậy, sau khi thực hiện việc mua bán hàng hóa giữa các bên, trên cơ sở số lượng hàng hóa đã nhận, số tiền đã thanh toán tính đến thời điểm hiện nay số tiền gốc còn nợ theo đơn khởi kiện của Công ty Y là 1.179.945.315đ, số nợ này tương ứng phù hợp với số nợ mà 05 đại lý thừa nhận còn nợ của Công ty Y với tổng số tiền là 1.179.950.000đ. Do đó, có căn cứ để xác định bà H chỉ là người môi giới thực hiện việc gọi hàng cho đại lý, thu tiền từ đại lý và thanh toán cho Công ty Y. Lẽ ra, Công ty Y phải cùng bà H rà soát các đại lý mà Công ty Y đã bán hàng, xuất hóa đơn còn nợ tiền hàng cùng nhau liên đới đôn đốc việc trả nợ. Bà H không phải là người trực tiếp nhận số phân bón này cũng như không nhận tiền từ các đại lý này, hóa đơn bán hàng cũng được Công ty Y xuất trực tiếp cho các đại lý, do đó trách nhiệm trả nợ thuộc về 05 đại lý còn nợ Công ty Y, trong quá trình giải quyết vụ án các đại lý đều chấp nhận trả nợ cho Công ty Y, Công ty Y không chấp nhận với lý do không biết các đại lý này là không đúng vì Công ty Y nhập hàng và xuất hóa đơn trực tiếp đến từng đại lý thì Công ty Y phải theo dõi và biết đại lý nào nhập bao nhiêu hàng, số tiền đã thanh toán, số tiền còn lại. Việc Công ty Y yêu cầu bà H phải trả số nợ trên là chưa phù hợp vì bà H chỉ là người có trách nhiệm đôn đốc thu hồi số nợ trên để trả cho Công ty Y, còn nghĩa vụ trả nợ thuộc về các đại lý còn nợ, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Y là phù hợp. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và kháng cáo của Công ty Y là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 54, Điều 55 Luật thương mại. Điều 298, 299, 428, 431, 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ: khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-KDTM ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 22/8/2017 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Phần tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền 2.630.888.663đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi triệu tám trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc 1.179.945.315đ; nợ lãi 1.450.943.348đ (tiền lãi tính đến ngày 28/02/2017 với lãi suất 1,5%/tháng) và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/3/2017 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

- *Phần án phí:*

+ Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y phải chịu 84.617.773đ (Tám mươi tư triệu sáu trăm mười bảy ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ 37.236.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016567 ngày 11/9/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B; Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y còn phải nộp 47.381.773đ (Bốn mươi bảy triệu ba

trăm tám mươi mốt ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng).

+ Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo biên lai thu số 0003875 ngày 05/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty TNHH Nhà máy phân bón Y còn phải nộp 1.700.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thị xã Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS thị xã B;*
- *Các đương sự;*
- . . . . . ;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức